

Số: 112/QĐ-BQLKKT PQ

Phú Quốc, ngày 14 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐCP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 195/TB-STC ngày 23/4/2024 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang về việc xét duyệt quyết toán năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc (theo các biểu đính kèm).

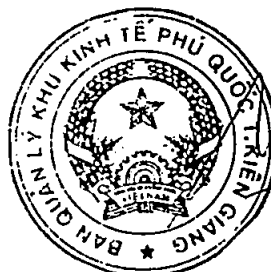
Điều 2. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Được*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, ltmthang.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Kaliu
Ngô Minh Trí



CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2023

Kèm theo Quyết định số 112 /QĐ-BQLKKTTPQ ngày 17 /5/2024)

ĐVT: 1,

I	Quyết toán thu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó	
				Quỹ lương	Mua sắm sửa chữa
A	Tổng số thu	2.148.543	2.148.543		
1	Số thu phí, lệ phí	309.478	309.478		
1.1	Lệ phí	4.695	4.695		
1	Lệ phí cấp phép xây dựng	4.695	4.695		
	Lệ phí cấp phép lao động	-	-		
		-	-		
1.2	Phí	304.783	304.783		
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	301.183	301.183		
	Phí thẩm dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật	-	-		
	Phí thẩm định cấp phép bán buôn Rượu, bia, thuốc lá	3.600	3.600		
2	Thu từ nguồn chi phí thẩm định	1.839.065	1.839.065		
	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch	1.720.588	1.720.588		
	Chi phí quản lý nghiệp vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch	118.477	118.477		
	Chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành vốn NN	-	-		
3	Thu sự nghiệp khác	-	-		
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1.921.243	1.921.243	1.921.243	562.836
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	141.004	141.004	141.004	-
1.1	Chi sự nghiệp.....	-	-		
1.2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-		
2	Chi từ nguồn chi phí để lại	1.780.239	1.780.239	1.217.403	562.836
C	Số thu nộp NSNN	157.086	157.086		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	157.086	157.086		
1.1	Lệ phí	4.695	4.695		
	Lệ phí cấp phép xây dựng	4.695	4.695		
	Lệ phí cấp phép lao động	-	-		
1.2	Phí	152.391	152.391		
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	150.591	150.591		
	Phí thẩm dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật	-	-		
	Phí thẩm định cấp phép bán buôn Rượu, bia, thuốc lá	1.800	1.800		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.844.324	6.844.324		
1	Chi quản lý hành chính	6.844.324	6.844.324	4.871.375	972.220
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.572.000	5.572.000	4.599.780	972.220
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.000.729	1.000.729	-	-
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	271.595	271.595	271.595	-